TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2025/DS-ST
Ngày: 05-9-2025
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trí;

2. Ông Võ Thanh Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Lê Trần Long - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 311/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2025 về việc "tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2025/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 159/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (được viết tắt là Ngân hàng); địa chỉ: Số B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Chu Toàn T; chức vụ: Chuyên viên Quản lý nợ Ngân hàng – Chi nhánh A; địa chỉ: số A, tỉnh lộ 942, xã L, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền (theo Quyết định ủy quyền số 1184/2025/QĐ-PC ngày 15/4/2025 của Tổng Giám đốc Ngân hàng và Giấy ủy quyền ngày 21/4/2025 của Phó Giám đốc Ngân hàng – Chi nhánh A kiêm Trưởng phòng G); vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều E, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp L, xã N, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 28/10/2022, bà Kiều E có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (được viết tắt là Hợp đồng). Theo đó, Ngân hàng đã cấp thẻ số 356480-5664, số tài khoản 3666040757 cho bà Kiều E với hạn mức thẻ 30.000.000 đồng, lãi suất 31.20%/năm, mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà Kiều E đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 21.274.000 đồng (trong đó vốn: 3.641.286 đồng, lãi: 17.632.714 đồng), còn nợ lại số tiền vốn 28.658.714 đồng. Đến ngày 16/8/2024, bà Nguyễn Thị Kiều E không còn thực hiện trả nợ cho Ngân hàng, qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Nguyễn Thị Kiều E vẫn không có thiện chí trả nợ. Do đó, bà Nguyễn Thị Kiều E đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Nay yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều E phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 05/9/2025 là 42.805.912 đồng (trong đó gốc 28.658.714 đồng, lãi quá hạn là 14.147.198 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06/5/2025 theo mức lãi suất được thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết ngày 28/7/2020 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều E vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn do ông Chu Toàn T làm đại diện có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến, cung cấp bổ sung tài liệu bản tự khai, bảng kê tiền lãi chi tiết, yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều E có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 05/9/2025 tổng cộng là 42.805.912 đồng (trong đó, gốc 28.658.714 đồng, lãi quá hạn là 14.147.198 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06/5/2025 theo mức lãi suất được thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết ngày 28/10/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bà Nguyễn Thị Kiều E trả Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 05/9/2025 là 42.805.912 đồng (trong đó gốc 28.658.714 đồng, lãi quá hạn là 14.147.198 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06/5/2025 theo mức lãi suất được thỏa

thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết ngày 28/10/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn, lãi cho vay dưới hình thức cấp thẻ tín dụng. Bà Nguyễn Thị Kiều E hiện cư trú tại xã N, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Kiều E do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết ngày 28/10/2022. Do vậy, vụ án được xác định là tranh chấp về giao dịch dân sự vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều E đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa, không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt bà Kiều E theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều E trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 05/9/2025 là 42.805.912 đồng (trong đó gốc 28.658.714 đồng, lãi quá hạn là 14.147.198 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06/5/2025 theo mức lãi suất được thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết ngày 28/10/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngân hàng cho rằng, vào ngày 28/10/2022, bà Kiều E có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Theo đó, Ngân hàng đã cấp thẻ số Ngân hàng đã cấp thẻ số 356480-5664, số tài khoản 3666040757 cho bà Kiều E với hạn mức thẻ 30.000.000 đồng, lãi suất 31.20%/năm, mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà Kiều E đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 21.274.000 đồng (trong đó vốn: 3.641.286 đồng, lãi: 17.632.714 đồng), còn nợ lại số tiền vốn 28.658.714 đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều E trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 05/9/2025 là 42.805.912 đồng (trong đó gốc 28.658.714 đồng, lãi quá hạn là 14.147.198 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06/5/2025 theo mức lãi suất được thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết ngày 28/10/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, có đủ căn cứ xác định giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị Kiều E có xác lập giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 356480-5664 ngày 28/10/2022; bà Kiều E đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tạm tính đến ngày 05/9/2025, bà Kiều E còn nợ lại Ngân hàng số tiền vốn gốc là 42.805.912 đồng (trong đó, gốc 28.658.714 đồng, lãi quá hạn là 14.147.198 đồng) như lời trình bày của Ngân hàng.

Xét thấy, việc xác lập hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, là hợp đồng hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã giao kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 05/9/2025, bà Nguyễn Thị Kiều E còn nợ lại Ngân hàng số tiền vốn gốc là 28.658.714 đồng, lãi quá hạn 14.147.198 đồng nhưng không thanh toán nợ, làm phát sinh nợ quá hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều E có nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi tính đến ngày 05/9/2025 với tổng số tiền 42.805.912 đồng (trong đó, gốc 28.658.714 đồng, lãi quá hạn là 14.147.198 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06/9/2025 theo thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết ngày 28/10/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ là phù hợp với thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng mà các bên đã giao kết; Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Trúc E1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Các Điều 280, 335, 336, 342, 357, 463 và 466 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với bà Nguyễn Thị Kiều E.

Buộc bà Nguyễn Thị Kiều E có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S các khoản nợ sau:

- Nợ gốc là 28.658.714 (hai mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm mười bốn) đồng;

- Lãi quá hạn tạm tính đến ngày 05/9/2025 là 14.147.198 (mười bốn triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn, một trăm chín mươi tám) đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S với bà Nguyễn Thị Kiều E ngày 28/10/2022 kể từ ngày 06/9/2025 cho đến khi bà Kiều E thanh toán dứt các khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Kiều E phải chịu số tiền 2.140.000 (hai triệu, một trăm bốn mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 944.000 (chín trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0024698 ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11, An Giang).

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11 (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Phòng THADS khu vực 11 (1);
- Các đương sự (để thi hành) (4);
- Người đại diện hợp pháp của đương sự (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Lắm